

Biểu mẫu 01

UBND QUẬN TÂN BÌNH
TRƯỜNG MẦM NON BÀU CÁT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	- Thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau. - Ngủ 1 giấc buổi trưa. - Biết đội mũ khi ra nắng, đi giày dép, mặc quần áo ấm khi trời lạnh. - Thể chất: Mức độ đạt 89 % - Tình cảm- xã hội: Mức độ đạt 90 % - Nhận thức: Mức độ đạt 92 % - Ngôn ngữ: Mức độ đạt: 90 %	- Nhận biết, phân loại 1 số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm. - Làm quen một số thao tác đơn giản trong chế biến 1 số món ăn và thức uống. - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (tiêu chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì) - Tập luyện 1 số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. - Thể chất : Mức độ đạt 98 % - Tình cảm-xã hội: Mức độ đạt 98 % - Nhận thức: Mức độ đạt 95 % - Ngôn ngữ: Mức độ đạt: 98% - Thẩm mỹ: Mức độ đạt: 97%
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	- Phát triển thể chất. - Phát triển nhận thức. - Phát triển ngôn ngữ. - Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ. Các nội dung khác: - Nội dung và các chủ điểm giáo dục: Nhà trẻ chỉ dạy theo kỹ	- Phát triển thể chất. - Phát triển nhận thức. - Phát triển ngôn ngữ. - Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội. - Phát triển thẩm mỹ. Các nội dung khác: - Nội dung và các chủ đề giáo



		năng như: - Kỹ năng nghe - Kỹ năng cầm nắm - Kỹ năng xâu - Kỹ năng vò - Kỹ năng quan sát - Kỹ năng phân biệt kích thước - Kỹ năng phân biệt hình dạng * Hưởng ứng các Lễ hội – Các sự kiện phát sinh trong năm.	dục: - Trường Mầm non - Bản thân.- An toàn - Gia đình - Nghề nghiệp. - Thực vật - Động vật - Phương tiện giao thông - Hiện tượng tự nhiên - Quê hương đất nước - Trường Tiểu học - Tết Trung Thu - Ngày hội yêu thương 20/10 - Ngày 20/11 - Ngày QĐNDVN 22/12 - Mùa xuân - Ngày 8/3 - Giỗ Tổ Hùng Vương Kết quả trẻ 5 tuổi đạt chuẩn phát triển của năm học trước - Thể chất: Mức độ đạt 95 % - Tình cảm – xã hội: Mức độ đạt 98 % - Nhận thức: Mức độ đạt 95% - Ngôn ngữ: Mức độ đạt: 97 % - Thẩm mỹ: Mức độ đạt: 97 % Các lớp học năng khiếu: Nhịp điệu, võ: 12 lớp Các lớp học năng khiếu: Vẽ: 14 lớp
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	- Biết tránh 1 số vật dụng và nơi nguy hiểm (bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng) khi được nhắc nhở. - Biết tránh 1 số hành động nguy hiểm (leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn...) khi được nhắc nhở. - Làm được 1 số việc với sự giúp đỡ của người lớn (lấy nước uống, đi vệ sinh)	- Tập luyện kỹ năng: đánh răng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dụng đồ dùng cá nhân đúng cách. - Lựa chọn và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết. - Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết. - Nhận biết 1 số biểu hiện khi ốm, nguyên nhân và cách phòng tránh. - Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi

		- Thể chất: Mức độ đạt 90% - Tình cảm – xã hội: Mức độ đạt: 92% - Nhận thức: Mức độ đạt 90% - Ngôn ngữ: Mức độ đạt 90%	không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ. - Thể chất: Mức độ đạt 98% - Tình cảm – xã hội: Mức độ đạt 95% - Nhận thức: Mức độ đạt 95% - Ngôn ngữ: Mức độ đạt 98%
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non	- Phòng sinh hoạt: đảm bảo 2.2 – 2.5 m² cho 1 trẻ, đủ ánh sáng tự nhiên và thoáng, nền nhà láng xi măng, lát gạch màu sáng hoặc gỗ. Được phép sử dụng phòng sinh hoạt chung làm nơi ăn, ngủ cho trẻ. - Phòng sinh hoạt chung có đầy đủ các thiết bị: bàn, ghế của trẻ đúng qui cách và đủ cho số trẻ trong lớp. + Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu. + Hệ thống đèn, hệ thống quạt. - Phòng ngủ: đảm bảo 2.2 – 2,5 m² cho 1 trẻ, đảm bảo yên tĩnh, thoáng mát theo thời tiết. Có các thiết bị: chiếu, nệm, gối, mùng, quạt. Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ dùng phục vụ trẻ ngủ. - Phòng vệ sinh: đảm bảo 0,5 – 0,6 m² cho 1 trẻ, có các thiết bị sau: vòi nước rửa tay, ghế ngồi bô.	- Phòng sinh hoạt: đảm bảo 1.8 – 2.2 m² cho 1 trẻ, đủ ánh sáng tự nhiên và thoáng, nền nhà láng xi măng, lát gạch màu sáng hoặc gỗ. Được phép sử dụng phòng sinh hoạt chung làm nơi ăn, ngủ cho trẻ. - Phòng sinh hoạt chung có đầy đủ các thiết bị: bàn, ghế của trẻ đúng qui cách và đủ cho số trẻ trong lớp. + Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu. + Hệ thống đèn, hệ thống quạt. - Phòng ngủ: đảm bảo 1.8 – 2.2 m² cho 1 trẻ, đảm bảo yên tĩnh, thoáng mát theo thời tiết. Có các thiết bị: chiếu, nệm, gối, mùng, quạt. Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ dùng phục vụ trẻ ngủ. - Phòng vệ sinh: đảm bảo 0.5 – 0.6 m² cho 1 trẻ, có các thiết bị sau: vòi nước rửa tay, chỗ đi tiểu và bệ xí cho bé trai và bé gái.

Tân Bình, ngày 17 tháng 5 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)



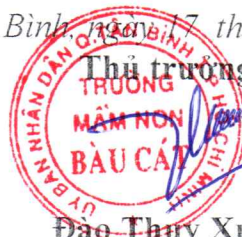
Đào Thụy Xuân Thảo



THÔNG BÁO
Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế, năm học 2023 - 2024

ST T	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	458	/	30	55	143	128	102
1	Số trẻ em nhóm ghép	/	/	/	/	/	/	/
2	Số trẻ em 1 buổi/ngày	/	/	/	/	/	/	/
3	Số trẻ em 2 buổi/ngày	458	/	30	55	143	128	102
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	/	/	/	/	/	/	/
II	Số trẻ em được tổ chức ăn Bán trú	458	/	30	55	143	128	102
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	458	/	30	55	143	128	102
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	458	/	30	55	143	128	102
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em	458	/	30	55	143	128	102
1	Số trẻ cân nặng bình thường	443	/	29	55	142	123	96
2	Số trẻ suy dinh dưỡng ở thể nhẹ cân	/	/	/	/	/	/	/
3	Số trẻ có chiều cao bình thường	/	/	/	/	/	/	/
4	Số trẻ suy dinh dưỡng ở thể thấp còi	1	/	/	/	/	/	/
5	Số trẻ thừa cân béo phì	14	/	01	/	01	05	06
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	458	/	30	55	143	128	102
b	Chương trình giáo dục nhà trẻ	85	/	30	55	/	/	/
d	Chương trình giáo dục mẫu giáo	373	/	/	/	143	128	102

Tân Bình, ngày 17 tháng 5 năm 2024



Thủ trưởng đơn vị

Đào Thụy Xuân Thảo

Biểu mẫu 03

**UBND QUẬN TÂN BÌNH
TRƯỜNG MẦM NON BÀU CÁT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2023 - 2024

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	29	Số m ² /trẻ em
II	Loại phòng học	18	-
1	Phòng học kiên cố	18	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	1990.8	4.35
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	253,5	0.56
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	1152	2.52
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)	1152	2.52
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	352	0.77
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	792	1.73
	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)	64	
	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	64	
	Diện tích phòng tin học (m ²)	64	
	Diện tích phòng Ngoại ngữ (m ²)	64	
5	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	128	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	18	Số bộ/nhóm (lớp)
	Số thiết bị, đồ dùng đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	18	01 bộ/nhóm lớp
	Số thiết bị, đồ dùng đồ chơi tối thiểu còn thiếu theo quy định	0	
VIII	Tổ số đồ chơi ngoài trời	06	Số bộ/ sân chơi (trường)
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	48 máy vi tính 02 máy chiếu 01 bảng tương tác	
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác	02 bộ âm thanh 20 ti vi 20 đầu đĩa 10 nhạc cụ (Đàn organ, Ghi ta, trống) 01 máy phô tô	Số thiết bị/nhóm (lớp)

XI	Nhà vệ sinh	Số lượng (m ²)				
		Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	5/80	22/352	22/352	0.77	0.77
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	0	0	0

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ GDĐT về Điều lệ trường mầm non và Quyết định số 08/2005/QĐ-BYT ngày 11/3/2005 của Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn vệ sinh đối với các loại nhà tiêu)

		Có	Không
XI	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XIII	Kết nối internet	X	
XIV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	X	
XV	Tường rào xây	X	
..	...		

Tân Bình, ngày 17 tháng 5 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, tên và đóng dấu)



Đào Thủy Xuân Thảo

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2023 – 2024

ST T	Nội dung	Tổ ng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	Th S	ĐH	CĐ	T C	Dư ới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Đạt	Không đạt
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	46		1	27	7	1	10	1	25	8	6	26		
I	Giáo viên	29			22	7				24	5	5	24		
II	Cán bộ quản lý	3		1	2						3	1	2		
1	Hiệu trưởng	1		1							1				
2	Phó hiệu trưởng	2			2						2				
III	Nhân viên	14			3		1		1	1					
1	Nhân viên văn thư	1					1		1						
2	Nhân viên kế toán	1			1					1					
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế														
5	Nhân viên khác	12			2			10							

Tân Bình, ngày 17 tháng 5 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)



Đào Thụy Xuân Thảo

